TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HN&GĐ-ST
Ngày: 19 - 01 - 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Ông Lê Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2020/TLST-HN&GĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2020/QĐST- HN&GĐ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị CH, sinh năm: 1991;

HKTT: Tổ 3, thôn 6, xã SN, huyện ĐL, tỉnh BT.

Tạm trú: Số nhà 533/2, đường Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1994;

Nơi cư trú: Tổ 3, thôn 6, xã SN, huyện ĐL, tỉnh BT.

NÔI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" lập ngày 28/7/2020, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của chị Nguyễn Thị CH thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã SN. Giấy chứng nhận kết hôn số: 70, quyển số: 01, đăng ký ngày 18/11/2014. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau khi sinh con được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, cãi vả chửi mắng nhau. Anh chị cũng đã từng sống xa nhau một thời gian, vì thương con nên đã về chung sống lại với nhau. Nhưng vì tính cách không hợp và một phần do cuộc sống khó khăn nên anh chị cũng lại cãi nhau, chửi mắng dẫn đến xô xát. Do đó, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh H nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Ngày 24/11/2020 chị làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết "Tranh chấp về nuôi con chung".

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh H có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 04/11/2015; chị yêu cầu giải quyết quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai của anh Nguyễn Ngọc H và biên bản hòa giải ngày 11/9/2020, thể hiện.

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị CH tự nguyện tìm hiểu, yêu thường

nhau được 3 năm và đi đến kết hôn vào năm 2014, tại UBND xã SN. Trong thời gian chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân vợ chồng không có được sự hòa hợp và hiểu nhau. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến cuối năm 2019 xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng cải vả, chị CH bỏ về quê mẹ sống. Anh gọi điện hỏi thăm muốn vợ chồng đoàn tụ cho con có được tình thương của cha mẹ nhưng chị không đồng ý và làm đơn xin ly hôn. Anh mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ chung sống nuôi con.

Về con chung: Anh chị có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 04/11/2015. Về con anh yêu cầu được nuôi con và chị CH cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài lần tham gia hòa giải ngày 11/9/2020 ra thì những lần Tòa án tổ chức hòa giải sau anh Nguyễn Ngọc H không hợp tác, không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Năm 2014 Nguyễn Thị CH kết hôn với Nguyễn Ngọc H có đăng ký kết hôn tại UBND xã SN. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được cháu trai Nguyễn Ngọc B sinh ngày 04/11/2015. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay Nguyễn Thị CH yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H và trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc B, yêu cầu anh H cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ tháng.

Tại phiên tòa anh H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị CH, nhưng nếu chị CH kiên quyết ly hôn thì anh H yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị CH cấp dưỡng.

Xét thấy, chị CH và anh H không còn tình cảm vợ chồng, hai người không thể tiếp tục hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho ly hôn.

Về con chung: Xét đề nghị nuôi con và điều kiện anh H có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu B hiện nay đang sinh sống cùng anh H nên giao cháu B cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 28/7/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/11/2020, Toà án xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị CH và anh Nguyễn Ngọc H có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SN. Giấy chứng nhận kết hôn số: 70, quyển số: 01, đăng ký ngày 18/11/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình anh, chị không hòa hợp, không hiểu, thông cảm và chia sẽ cho nhau. Dẫn đến đời sống vợ chồng không êm ấm, thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gỗ. Trong qua trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng anh H chỉ tham gia được một lần, những lần khác anh không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Hiện tại anh chị đã sống ly thân một thời gian dài. Mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm, chia sẽ với ai. Tại phiên tòa chị CH xác định không

còn tình cảm yêu thương gì với anh H nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị CH với anh H thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị CH là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình

[4] Về con chung: Trong đơn khởi kiện, chị CH không yêu cầu giải quyết về con chung. Nhưng trong quá trình tố tụng Chị CH bổ sung yêu cầu, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 04/11/2015 và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ.

Trong quá trình tố tụng, Anh H cũng có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và yêu cầu chị CH cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000đ. Nhưng tại phiên tòa anh H trình bày: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu chị CH phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của cả chị CH và anh H đều là những yêu cầu hoàn toàn chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục con của cả anh H cũng như chị CH hiện tại gần như ngang nhau, giao cháu B cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đều được. Tuy nhiên xét về điều kiện nào để cháu B được nuôi dưỡng, giáo dục một cách tốt nhất, kể cả về mặt vật chất lẫn tinh thần thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện cháu B đã sống với anh H ổn định từ hơn 6 tháng nay khi không có mẹ ở bên cạnh. Việc thay đổi nơi sống cũng như điều kiện sống hằng ngày của cháu, cộng thêm với việc thiếu đi tình cảm yêu thương của một trong hai người là cha hay là mẹ lúc này, sẽ là một ảnh hưởng lớn tới sự phát triển ổn định của cháu, tạo ra một sang chấn về mặt tâm lý mà khó có thể xóa mờ được trong tương lai. Do vậy, thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị CH và anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị CH là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Nguyễn Thị CH và anh Nguyễn Ngọc H là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị CH thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị CH.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị CH ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 04/11/2015.

Chị CH không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị CH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị CH đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003829, ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị CH đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/01/2021). (đã giải thích).

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thị hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Sùng Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đức